TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST Ngày 28-11-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 06 (nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh Cao Duy V, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 06 (nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-7-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Duy V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 4 năm 2003 tại Ủy ban Nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận kết hôn số 36/UB-TP; quyển số 04, ngày 01-4-2003). Chị và anh V chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do năm 2004 chị phát hiện anh V có ngoại tình với một người phụ nữ khác cả hai bên gia đình khuyên can nhưng không được, năm 2005 anh V bỏ nhà ra đi để một mình chị chăm lo hai con nhỏ, đến năm 2012 anh V quay về mong muốn hàn gắn, cùng chị nuôi dạy hai con, tuy nhiên trong thời gian này anh V không chí thú làm ăn, chăm lo con cái mà thường xuyên bạo hành chị và hai con, không có trách nhiệm với gia đình mà khoán trắng cho chị chăm lo con cái mà không hỗ trợ tiền nuôi dưỡng các con, dẫn đến một mình chị phải lo toan mọi việc, gây áp lực về tinh thần cho chị. Từ năm 2017 đến nay chị và anh V đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm của chị đối với anh V không còn yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau, nếu tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, nên chị yêu cầu được ly hôn anh Cao Duy V.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Cao Duy V có 02 con chung là cháu Cao Hà Nhật T, sinh ngày 21-9-2003 và cháu Cao Hà Triệu P, sinh ngày 02-5-2005. Hiện các cháu Cao Hà Nhật T, Cao Hà Triệu P đang ở với chị nên khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung, chị yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hà Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Cao Duy V và yêu cầu được nuôi 02 con chung. Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung và anh V phải cấp dưỡng nuôi con, nay tại phiên tòa chị H thay đổi, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, vì từ trước đến nay anh V không có hỗ trợ tiền nuôi con chung, nhưng chị vẫn đảm bảo nuôi dạy các con.

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Cao Duy V đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 22-8-2019 tại tổ 06 (nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh V đang sống tại chung cư Hoàng Anh Gia Lai số 06 Hoàng văn Thụ, tổ 06 (nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Về mâu thuẫn gia đình chị H anh V thì địa phương không nắm rõ là do anh V, chị H không có báo chính quyền địa phương biết nên không xác định được mâu thuẫn vợ chồng chị H anh V, tuy nhiên hiện tại hai vợ chồng đang sống ly thân với nhau. Tại biên bản xác minh ngày 22/11/2019 cũng thể hiện anh V sống tại đây nhưng làm nghề gì, thu nhập, tài sản như thế nào thì địa phương cũng không biết được.

Tại biên bản làm việc ngày 24-10-2019 với các cháu Cao Hà Nhật T, Cao Hà Triệu P đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ khi bố mẹ ly hôn, vì lâu nay đều ở với mẹ và được mẹ chăm sóc tốt cũng như đảm bảo việc học tập hiện nay.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn với anh Cao Duy V.

Về con chung: Giao 02 chung là cháu Cao Hà Nhật T, sinh ngày 21-9-2003 và cháu Cao Hà Triệu P, sinh ngày 02-5-2005 cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Cao Duy V, có nơi cư trú tại tổ

06 (nay là tổ 03), phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Cao Duy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Cao Duy V theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Cao Duy V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 01-4-2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị H và anh Cao Duy V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V có mối quan hệ với người phụ nữ khác đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh V không nghe, anh V vô trách nhiệm không chí thú làm ăn chăm lo gia đình, thường xuyên bạo hành vợ con. Năm 2017 chị và anh V đã sống ly thân đến nay.

[4] Tại phiên toà, chị H xác định tình cảm của chị đối với anh V không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa. Vì sau khi anh V bỏ nhà đi, đến năm 2012 anh V quay về xin chị tha thứ, bỏ qua lỗi lầm hàn gắn tình cảm vợ, chồng để chăm lo gia đình và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh V không cùng chị chăm sóc, nuôi dưỡng hai con mà thường xuyên ngược đãi, bạo hành chị và hai con làm cho cuộc sống gia đình ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Kể từ ngày chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đến nay, anh V không có bản khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn cũng như quyền yêu cầu nuôi con mà bỏ mặc không quan tâm, điều này thể hiện anh V không mong muốn để quan hệ hôn nhân này tiếp tục tồn tại. Thực tế cho thấy giữa chị H, anh V vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vì vậy, Toà án có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Cao Hà Nhật T, sinh ngày 21-9-2003 và cháu Cao Hà Triệu P, sinh ngày 02/5/2005. Hiện 02 cháu đang ở cùng chị, trong thời gian này các cháu được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đảm bảo các cháu phát triển về mọi mặt. Tại biên bản làm việc ngày 24-10-2019 thì hai cháu T, cháu P là con chung của chị H Anh V đều có nguyên vọng được sống chung với chị H. Xét thấy, Chị H có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con nên cần giao 02 cháu Cao Hà Nhật T và cháu Cao Hà Triệu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, nên Hội đồng xét xử có cơ sở

chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị H khai anh V không có đủ điều kiện để cấp nưỡng nuôi con chung cùng chị, nên chị H xin thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng vì hiện tại chị có công ăn việc làm bình thường, có thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Hà Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị H ly hôn anh Cao Duy V.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Cao Hà Nhật T, sinh ngày 21-9-2003 và cháu Cao Hà Triệu P, sinh ngày 02-5-2005 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0001712 ngày 22-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Hà Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Yên Đỗ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Công Tồn